

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2026/DS-PT**

Ngày: 04 - 02 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trịnh Văn Toàn

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình và bà Lê Thị Thanh Huyền

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Duyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 565/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐ-PT ngày 05/01/2026; Quyết định hoãn phiên toà số 67/2026/QĐ-PT ngày 23/01/2026 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị An S năm 1973. Địa chỉ: Thôn E, xã C, tỉnh Đắk Lắk. (Địa chỉ cũ: xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến T – Luật sư Văn phòng L thuộc đoàn luật sư Tỉnh Đ. Địa chỉ: Số C đường N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. (Địa chỉ cũ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đào Văn H sinh năm 1983, bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn D, xã M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ cũ: xã K, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk). Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị H1: Ông Vũ Minh H2 sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ cũ: xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức D. Luật sư Công ty L1 thuộc đoàn luật sư Tỉnh Đ. Địa chỉ: A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Nguyễn Tiến T trình bày:**

Bà A và vợ chồng ông Đào Văn H bà Nguyễn Thị H1 có quen biết nhau. Bà A có cho vợ chồng ông H bà H1 vay tiền nhiều lần từ năm 2021 đến cuối năm 2022. Hình thức cho vay bằng chuyển tiền qua tài khoản hoặc đưa tiền vay trực tiếp, có khi viết và ký giấy vay, có khi chỉ chuyển khoản trên tài khoản và ghi nội dung chuyển khoản. Ông H bà H1 trả tiền vay gốc và lãi bằng hình thức chuyển trả tiền vào tài khoản ghi nội dung chuyển khoản hoặc có khi trả tiền mặt. Do vợ chồng ông H bà H1 vay rất nhiều lần nên bà A không nhớ từng khoản vay, thời gian vay và từng lần trả. Về lãi suất cho vay mỗi lần vay là khác nhau, lãi suất cho vay từ 1.500đồng/ngày/triệu đến 2.000đồng/ngày/triệu. Bà A và vợ chồng ông H1 bà H không có mối quan hệ làm ăn khác chung với nhau.

Đến ngày 01/12/2022, vợ chồng ông H, bà H1 còn nợ bà A 570.000.000 đồng. Trong đó 400.000.000 đồng tiền nợ gốc chưa trả của nhiều khoản nợ gốc trước đây còn nợ lại chưa thanh toán và 170.000.000 đồng là tiền lãi của nhiều khoản vay trước đây chưa thanh toán. Ngày 01/12/2022, vợ chồng ông H, bà H1 cùng với bà A thống nhất tất toán và chốt các khoản tiền bà H1 ông H còn nợ bà A. Trước khi viết giấy vay, bà H1 tự tính toán các khoản vay gốc và lãi còn lại chưa trả và tự viết giấy biên nhận. Tiền nợ gốc còn lại 400.000.000đồng bà H1 viết riêng 01 giấy có tính lãi trong hạn theo thỏa thuận (thỏa thuận bằng lời nói lãi suất trong hạn 1,6%/năm), thời hạn trả 01/01/2023; Tiền lãi chưa thanh toán của các khoản nợ trước chưa trả 170.000.000đồng bà H1 tự viết riêng 01 giấy không tính lãi trong hạn, thời hạn trả ngày 01/01/2023, bà H1 tự ghi “tiền lãi” trên đề mục giấy vay tiền. Sau khi bà H1 viết nội dung 02 giấy vay xong, bà H1 và ông H cùng ký vào phần người vay, bà A ký vào phần người cho vay. Do đã lâu nên bà A không nhớ rõ từng khoản tiền nợ gốc và các khoản tiền nợ gốc để tính lãi. Lãi suất quá hạn của 02 giấy vay không thỏa thuận. Việc thống nhất các khoản nợ đều được 2 bên thảo luận kỹ trước khi ký giấy biên nhận vay tiền, việc ký giấy vay là tự nguyện, không ép buộc, lừa dối. Những

giao dịch vay mượn tiền hoặc mua bán đất trước ngày 01/12/2022 đều đã giải quyết xong, hủy bỏ, không còn liên quan gì đến 02 giấy vay tiền nêu trên.

Từ ngày viết giấy vay đến nay vợ chồng ông H bà H1 chưa trả cho bà A khoản tiền nào mặc dù bà A đã đòi nhiều lần. Bà A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị H1 phải trả tổng số tiền 570.000.000 đồng còn nợ theo 02 giấy biên nhận vay tiền ngày 01/12/2022 và tiền lãi phát sinh tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 02/01/2023 với mức lãi suất 10%/năm cho đến khi trả hết nợ

Việc vợ chồng ông H bà H1 đưa ra nhiều thông tin và nội dung liên quan đến việc vay và trả nợ giữa bà A và vợ chồng ông H bà H1 trước thời điểm ký giấy vay tiền 01/12/2022 là không đúng sự thật và không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh. Không có việc bà A cho vợ chồng bà H1 ông H vay từ trước đến nay với mức lãi suất 4.000đồng/triệu/ngày. Phía bị đơn trình bày cho rằng nội dung 02 giấy vay là khoản tiền lãi của 05 khoản tiền vay do chuyển khoản trước đây hoàn toàn không có cơ sở. Vì ngoài vay tiền bằng hình thức chuyển khoản thì ông H bà H1 còn vay tiền trực tiếp có ký giấy vay, khi tất toán các khoản tiền còn nợ vào ngày 01/12/2022, hai bên đã hủy bỏ những giấy tờ vay trước đó.

Giấy ghi ngày 07/9/2022 do bị đơn cung cấp, bà A chỉ xác nhận vợ chồng ông H bà H1 trả 20.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản, vợ chồng ông H bà H1 tự ghi rồi đưa cho bà A ký, khi ký không có nội dung lãi 4.000 đồng/triệu/ngày. Do đã lâu nên bà A không nhớ rõ bà H1 trả tiền lãi hay tiền gốc của khoản nợ nào.

Tại phiên tòa, bà A được HĐXX cho tiếp cập nội dung bản photo giấy vay tiền ngày 08/11/2022 do người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cung cấp cho HĐXX, bà A không nhớ rõ nội dung giấy vay này, hơn nữa giấy vay này ghi thêm bớt rất nhiều nội dung không có thật nên không chấp nhận.

*** Bị đơn ông Đào Văn H, bà Nguyễn Thị H1, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vũ Minh H2, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Đức D trình bày:**

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2022 đến ngày 18/8/2022 bà Nguyễn Thị A cho vợ chồng ông H, bà H1 vay 04 lần bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể: Lần 01, ngày 17/6/2022 vay 400.000.000 đồng; Lần 02, ngày 22/7/2022 vay 250.000.000 đồng; Lần 03, ngày 25/7/2022 vay 100.000.000 đồng; Lần 04, ngày 18/8/2022 vay 200.000.000 đồng. Tổng cộng, là 950.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất cho vay là 4.000 đồng/triệu /ngày, tương đương 146%/năm gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất được pháp luật quy định). *(Có đính kèm đoạn Video ghi lại việc tính lãi)*. Đến ngày 13/9/2022 (gần 03 tháng) vợ chồng ông H, bà H1 đã trả cho bà Nguyễn Thị A

tiền lãi 127.000.000 đồng. Số tiền lãi còn lại được bà A tiếp tục cộng dồn vào tiền gốc thành 1.650.000.000 đồng (bao gồm: 950.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi cộng dồn là 700.000.000 đồng).

Đối với số tiền 1.650.000.000 đồng bà A tiếp tục tính lãi suất với mức 4.000 đồng/triệu/ngày nhưng vợ chồng ông H không đồng ý, cho nên cùng ngày 13/9/2022 bà A tách thành 02 khoản vay: [1] Khoản vay 170.000.000 đồng được bà A tính lãi 2.000 đồng/triệu /ngày; [2] Khoản vay 1.480.000.000 đồng được bà A tính lãi 4.000 đồng/triệu/ngày.

Từ ngày 13/9/2022 (thời điểm đối chiếu nợ) đến ngày 19/10/2022 (hơn 01 tháng) bà A tính tiền lãi thêm 206.000.000 đồng. Từ ngày 19/10/2022 đến ngày 07/11/2022 (chưa đầy 01 tháng) bà A tính tiền lãi thêm 112.000.000 đồng.

Thời điểm này do vợ chồng ông H, bà H1 không có khả năng tiếp tục trả lãi nên bà A yêu cầu phải chuyển nhượng thửa đất số 385, tờ bản đồ số 42, diện tích 456m², tọa lạc tại: Thôn D, xã K, huyện M'D, tỉnh Đắk Lắk với số tiền 2.800.000.000 đồng để siết nợ. Do thửa đất số 385 lúc đó đang thế chấp cho Ngân hàng để vay vốn, nên ngày 07/11/2022 các bên xác lập Hợp đồng đặt cọc với nội dung: *“Bà A đặt cọc trước số tiền 1.000.000.000 đồng với mục đích dùng số tiền này để trả nợ cho Ngân hàng và giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa số 385, số tiền này sẽ được trừ vào số nợ 1.480.000.000 đồng”*. Riêng đối với số tiền đặt cọc 1.000.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng thì bà A tiếp tục tính lãi suất với mức 4.000 đồng/triệu/ngày cho đến khi hoàn thành thủ tục sang tên thửa đất số 385 cho bà A. Mặc dù, thỏa thuận tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng, nhưng bà A chỉ chuyển cho vợ chồng ông H, bà H1 số tiền là 960.000.000 đồng, đã trừ trước 40.000.000 đồng tiền lãi. *(Có đính kèm bảng sao kê Ngân hàng và bản photo giấy biên nhận vay tiền ngày 08/11/2022 cung cấp tại phiên tòa để chứng minh)*

Từ ngày 07/11/2022 (thời điểm đặt cọc) đến ngày 01/12/2022 (thời điểm hoàn thành thủ tục sang tên thửa đất số 385 cho bà A) thì bà A tiếp tục tính tiền lãi thêm là 34.000.000 đồng đối với số tiền đặt cọc 960.000.000 đồng và 12.000.000 đồng tiền lãi đối với khoản vay 170.000.000 đồng ngày 13/9/2022. Trong thời gian này, vợ chồng ông H, bà H1 trả thêm cho bà A được 63.100.000 đồng tiền lãi.

Mặc dù, theo Hợp đồng đặt cọc ngày 07/11/2022 bà Nguyễn Thị A đã thỏa thuận nhận chuyển nhượng thửa đất số 385 với số tiền 2.800.000.000 đồng để cản trừ toàn bộ các khoản nợ, thế nhưng sau khi hoàn thành thủ tục sang tên thì bà A chỉ chấp nhận cản trừ đất để trả nợ với số tiền là 2.600.000.000 đồng (giảm 200.000.000 đồng để cộng thêm qua tiền lãi). Đồng thời, tiếp tục buộc vợ chồng ông H phải trả 200.000.000 đồng tiền giảm giá đất; 100.000.000 đồng tiền môi giới đất và

270.000.000 đồng là tiền lãi của khoản tiền đặt cọc để trả nợ cho Ngân hàng và làm thủ tục sang tên thửa đất số 358, tiền lãi cộng gộp do bà A tự tính.

Số tiền 570.000.000 đồng này được bà A tách thành 02 Giấy vay tiền cùng đề ngày 01/12/2022, trong đó: 01 Giấy thể hiện số tiền vay 400.000.000 đồng và 01 Giấy thể hiện số tiền vay 170.000.000 đồng được bà A ghi chú là tiền “Lãi”. Sau đó, bà A sử dụng 02 Giấy vay tiền này để khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà H1 trả nợ, bản chất chỉ là tiền lãi do bà A tự tính toán. Trong khi cùng ngày 01/12/2022 vợ chồng ông H, bà H1 đã phải chuyển nhượng thửa đất số 358 cho bà Nguyễn Thị A để cản trừ toàn bộ các khoản nợ trước đó. Bà H1 và ông H đã trả hết nợ cho bà A trước ngày 01/12/2022 nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A. Đề nghị HĐXX xem xét chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 04/2023/TLST-DS ngày 01/02/2023 sang Cơ quan CSĐT để xác minh xử lý về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đối với bà Nguyễn Thị A.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 160, khoản 1 Điều 161, Điều 220, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 4,5 Điều 466 và Điều 468 BLDS;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A, buộc bị đơn ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 722.728.000đồng (Bảy trăm hai mươi hai triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng). Bao gồm 400.000.000đồng và 170.000.000đồng tiền nợ theo 02 giấy vay điều lập ngày 01/12/2022 và tiền lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày 02/01/2023 đến ngày 05/9/2025 là 152.728.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 18/9/2025, bị đơn ông Đào Văn Hòa và bà Nguyễn Thị Hải làm đơn khĐào Văn Hn bộ bàNguyễn Thị H1ề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ

thẩm, đồng thời chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để giải quyết theo thủ tục tố tụng hình sự.

Tại phiên toà phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Số tiền 570.000.000 đồng ghi trong 02 giấy vay chỉ là tiền lãi phát sinh từ các khoản vay trước đó, không phải là tiền vay thực tế. Bị đơn cung cấp video thể hiện việc tính lãi 4.000 đồng/triệu/ngày là vượt quá quy định của pháp luật, nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ, đối chiếu đầy đủ chứng cứ. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đào Văn Hòa và bà Nguyễn Thị Hải, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk. Ngoài ra, bị đơn có ý kiến và cung cấp đoạn Video nguyên đơn cho vay có tính mức lãi suất là 4000 đồng/1 triệu/ngày có dấu hiệu của tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Nội dung này bị đơn có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan cảnh sát điều tra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đào Văn Hòa và bà Nguyễn Thị Hải trong hạn Đào Văn H/Người kNguyễn Thị H1p tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Về giá trị pháp lý của 02 giấy vay tiền ngày 01/12/2022.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, ngày 01/12/2022, giữa bà Nguyễn Thị A với ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị H1 đã lập 02 giấy biên nhận vay tiền, trong đó một giấy thể hiện số tiền vay 400.000.000 đồng, một giấy thể hiện số tiền vay 170.000.000 đồng. Các giấy vay tiền này có đầy đủ chữ viết và chữ ký của người vay và người cho vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị H1 đều thừa nhận chữ viết, chữ ký của mình trên 02 giấy vay tiền nêu trên, không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ký giấy vay tiền là do bị ép buộc, lừa dối hoặc do nhầm lẫn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, 02 giấy vay tiền ngày 01/12/2022 là chứng cứ hợp pháp, có giá trị chứng minh.

Việc bị đơn cho rằng số tiền 570.000.000 đồng ghi trong 02 giấy vay chỉ là tiền lãi phát sinh từ các khoản vay trước đó, không phải là tiền vay thực tế, chỉ là lời trình bày một phía, không được nguyên đơn thừa nhận và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Các tài liệu do bị đơn xuất trình như sao kê ngân hàng, giấy viết ngày 07/9/2022, file video ghi hình việc tính lãi... đều không xác định được cụ thể khoản vay nào, thời điểm vay, mức lãi suất, thời gian tính lãi cũng như mối liên hệ trực tiếp với 02 giấy vay tiền ngày 01/12/2022.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị H1 còn nợ bà Nguyễn Thị A tổng số tiền 570.000.000 đồng theo 02 giấy vay tiền ngày 01/12/2022 là có căn cứ.

[2.2] Bị đơn cho rằng toàn bộ các khoản nợ đã được tắt toán thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị A trước ngày 01/12/2022. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hợp pháp nào thể hiện việc các bên đã thỏa thuận cản trừ toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo 02 giấy vay tiền ngày 01/12/2022 bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngược lại, tại cả hai cấp xét xử, nguyên đơn khẳng định các giao dịch liên quan đến vay tiền, mua bán đất trước ngày 01/12/2022 đã được các bên giải quyết xong, không còn liên quan đến 02 giấy vay tiền ngày 01/12/2022.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo cho rằng bà Nguyễn Thị A có hành vi cho vay lãi nặng với mức lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày và đề nghị chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan điều tra để xem xét trách nhiệm hình sự. Thì thấy, toàn bộ các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp không đủ cơ sở để xác định có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự liên quan trực tiếp đến 02 giấy vay tiền ngày 01/12/2022. Mặt khác, trong vụ án này, đối tượng khởi kiện là nghĩa vụ trả nợ theo 02 giấy vay tiền cụ thể, các giao dịch vay mượn trước đó không có tranh chấp và không được các bên yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là phù

hợp với quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.4] Về lãi suất và nghĩa vụ trả lãi chậm trả.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả đối với khoản nợ 570.000.000 đồng kể từ ngày 02/01/2023 theo mức lãi suất 10%/năm, căn cứ khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự là đúng quy định pháp luật, có lợi cho bị đơn và phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập và đánh giá chứng cứ khách quan, đầy đủ; việc áp dụng pháp luật về nghĩa vụ trả nợ, lãi suất, án phí và chi phí tố tụng là đúng quy định.

Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị H1; giữ nguyên toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn ông Đào Văn Hòa và bà Nguyễn Thị Hải phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A, buộc bị đơn ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 722.728.000 đồng (Bảy trăm hai mươi hai triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng). Bao gồm 400.000.000 đồng và 170.000.000 đồng tiền nợ theo 02 giấy vay điều lập ngày 01/12/2022 và tiền lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày 02/01/2023 đến ngày 05/9/2025 là 152.728.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí trưng cầu giám định 20.000.000 đồng. Bị đơn đã nộp đủ chi phí giám định.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 32.909.000 đồng (*Ba mươi hai triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị A 13.400.000 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0009512 ngày 31/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Đắk Lắk).

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0001540; 0001481 ngày 06/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Đắk Lắk.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Công TTĐT Tòa án;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn